



bái bái

白白

Adverb · in vain

Example Sentences

tā bái bái děng le yí gè xiǎo shí péng yǒu què méi lái.
他白白等了一个小时，朋友却没来。

He waited for an hour in vain, but his friend didn't come.

nǐ nán dào gān xīn ràng zhè ge qiān zǎi nán féng de jī huì bái bái liū zǒu ma
你难道甘心让这个千载难逢的机会白白溜走吗？

Are you really willing to let this once-in-a-lifetime opportunity slip away?

Trace each character, then write the word on your own.

白	白	白	白	白	白	白	白												
白	白	白	白	白	白	白	白												